TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 9 – 2022
Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Láth.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa***: Ông Hồ Văn Phân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số nhà 100 ấp X, xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

** Bị đơn:* Anh Kim B, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số nhà 52 ấp L, xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/4/2022 cũng như tại đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn Trần Thị H trình bày:

Vào năm 2020, chị Trần Thị H kết hôn với anh Kim B, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Lai H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/5/2020. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần dần phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm, không hợp tính tình, anh Kim B thường xuyên nhậu về đánh vợ nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Trong thời gian vợ chồng chị H và anh B chung sống, chị H đang có thai nhưng tại Đơn khởi kiện, chị H không trình bày. Đến ngày 09/02/2022 sau khi vợ chồng không còn sống chung thì chị H sinh con tên Kim Lý H (nam) sinh ngày 09/02/2022. Từ lúc chị H mang thai, vợ chồng tranh chấp cãi vã, chị H về sống với cha mẹ chị H và sinh con cho tới nay, anh B không quan tâm hay liên lạc thăm con. Nay, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Kim B.

- Về con chung: Chị Trần Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Kim Lý H (nam) sinh ngày 09/02/2022. Yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do chị H giao nộp là bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao Giấy chứng minh nhân dân, bản sao Sổ hộ khẩu, bản sao Giấy khai sinh của cháu Kim Lý H.

Đối với bị đơn Kim B: Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng anh B không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, anh B cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho anh B và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 09/9/2022, bị đơn B vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét

xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn anh Kim B, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh B vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H và anh B theo quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn với anh B, giao cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh B phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh B phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị H khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Kim B và yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị H được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Kim B đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại đơn xin vắng mặt, nguyên đơn có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu Kim Lý H cũng như việc không phản đối của anh B; đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị H về việc kết hôn với anh B được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/5/2020 và vợ chồng đã có 01 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị H và anh B đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, hiện nay, chị H và anh B không còn chung sống với nhau nữa; mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không biết được thông tin về tình trạng cuộc sống của nhau; không cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Như vậy, chị H và anh B đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh B.

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án cháu H còn nhỏ và hiện đang sống với mẹ, như vậy chị H đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình. Về phía anh B, suốt thời gian chị H sinh và nuôi con, anh B đã không có sự quan tâm, nuôi dưỡng, chăm lo ở mức cần thiết đối với con chung; anh B đã vi phạm nghĩa vụ và quyền của cha mẹ như quy định của điều luật đã viện dẫn ở trên. Mặc khác, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kim Lý H (nam) sinh ngày 09/02/2022 đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, việc cấp dưỡng là nghĩa vụ của cha, mẹ đồng thời là để tạo điều kiện tốt hơn cho chị H nuôi dưỡng cháu H được tốt hơn, do đó căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, nên việc chị H yêu cầu anh Kim B cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận và cần buộc anh Kim B cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu H thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Nguyên đơn tiếp tục khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Án phí cấp dưỡng: Anh Kim Bư phi chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Kim B.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Kim Lý H (nam) sinh ngày 09/02/2022 đến khi cháu H thành niên, lao động được.

Trong thời gian chị H nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Kim B cấp dưỡng nuôi cháu Kim Lý H (nam) sinh ngày 09/02/2022 mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệunăm trăm nghìn đồng), cấp dưỡng cho đến khi cháu H thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, trừ khi thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng của anh B được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu H, chị H có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh B có thể yêu cầu giải quyết thay

đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002230 ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng: Anh Kim B phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

6. Chị Trần Thị H và anh Kim B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.